

Giải pháp nâng cao chất lượng giảm nghèo bền vững tại huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau

Solutions to improve quality sustainable poverty reduction in Phu Tan district, Ca Mau province

Phạm Thị Tâm

UBND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau

E-mail: betam.nvk@gmail.com

Tóm tắt: Giảm nghèo bền vững là vấn đề phức tạp và phải có chiến lược thực hiện lâu dài. Trong thời gian qua, việc tổ chức triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo trên địa bàn huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đã thu được những kết quả nhất định, đời sống người dân đã thay đổi rõ rệt; điều này cho thấy sự nỗ lực và quyết tâm rất lớn của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Phú Tân trong việc thực hiện các chính sách giảm nghèo. Tuy nhiên công cuộc giảm nghèo trong những năm tiếp theo bên cạnh những thuận lợi sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức. Vậy giải pháp nào để thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững là vấn đề mà các cấp lãnh đạo, các cơ quan nhà nước đang rất quan tâm. Nghiên cứu này, nhằm đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảm nghèo bền vững tại huyện Phú Tân tỉnh Cà Mau trong thời gian tới

Từ khóa: Người khuyết tật; quyền về việc làm; đại dịch Covid 19

Abstract: Sustainable poverty reduction is a complex issue and requires a long-term implementation strategy. In the past time, the organization and implementation of poverty reduction policies in Phu Tan district, Ca Mau province have obtained certain results, people's lives have changed markedly; This shows the great efforts and determination of the Party Committee, authorities and people of Phu Tan district in the implementation of poverty reduction policies. However, the poverty reduction in the following years, besides the advantages, will still have many difficulties and challenges. So, how to effectively implement sustainable poverty reduction is an issue that leaders and state agencies are very interested in. This study aims to propose solutions to improve the quality of sustainable poverty reduction in Phu Tan district, Ca Mau province in the coming time.

Keywords: Poverty Reduction; Poverty reduction status; Solutions to improve quality; Sustainable poverty reduction; Phu Tan district.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, đói và nghèo không chỉ là vấn đề riêng của từng quốc gia, mà còn là vấn đề mang tính toàn cầu. Ở nước ta, Đảng và nhà nước xem công tác xóa đói giảm nghèo là mục tiêu xuyên suốt trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội của

đất nước. Xóa đói, giảm nghèo là yếu tố cơ bản để đảm bảo công bằng xã hội và tăng trưởng kinh tế bền vững. Ngược lại, chỉ có tăng trưởng bền vững mới tạo sức mạnh vật chất để có cơ hội hỗ trợ cho người nghèo vươn lên thoát khỏi nghèo đói.

Phú Tân là huyện ven biển nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Cà Mau, có diện tích tự nhiên là 46.187,53 ha, có bờ biển dài 37km với 6 cửa sông thông ra biển; Dân số 97.639 khẩu, gồm 3 dân tộc chính là Kinh, Hoa, Khmer, người dân sinh sống chủ yếu là nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, kinh doanh dịch vụ. Năm 2015 số hộ nghèo của huyện Phú Tân là 2.237 hộ chiếm 9,10%, đến cuối năm 2020 tổng số hộ nghèo của huyện còn 353 hộ, tương đương 1,42% tổng số hộ, giảm 1.884 hộ so với năm 2015 [1]. Đây là kết quả của sự kết hợp nhiều giải pháp thiết thực. Trong đó, phải kể đến việc phát huy tốt vai trò của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên các đoàn thể trong việc vận động, hỗ trợ nhân dân; ý thức tự vươn lên thoát nghèo của người dân và đảm bảo thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội.

Tuy đạt được những kết quả trên nhưng có một thực tế đang diễn ra đó là việc giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện chưa thật sự bền vững vì số hộ nghèo và số hộ tái nghèo còn khá cao. Hiện nay, hộ nghèo của huyện phần đông là không đất, không tư liệu sản xuất, không nghề nghiệp ổn định, trình độ một bộ phận đông đảo dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo còn hạn chế, nên việc tiếp thu khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn chậm, mang lại hiệu quả kinh tế chưa cao. Trong khi đó, tỷ lệ hộ nghèo được tiếp cận với nguồn vốn vay còn khá thấp, nguồn vốn hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo còn dàn trải, thiếu tập trung, mức vốn hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo hiện nay so với giá thị trường là quá thấp, nên chưa giúp bà con đủ điều

kiện xây dựng các mô hình kinh tế để có thể thoát nghèo.

Chính vì lý do đó, tác giả chọn đề tài **“Giải pháp nâng cao chất lượng giảm nghèo bền vững tại huyện Phú Tân tỉnh Cà Mau”** để nghiên cứu là rất cần thiết.

2. Cơ sở lý thuyết về giảm nghèo bền vững

2.1. Các khái niệm

2.1.1. Khái niệm nghèo

Có nhiều quan niệm, khái niệm về nghèo - theo Sen [2] nghèo là thiếu khả năng hoạt động và kém phát triển, nghèo đói là vấn đề đa chiều; theo Ủy ban Kinh tế - Xã hội khu vực Châu Á và Thái Bình Dương (ESCAP) [3], nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không có khả năng thoả mãn những nhu cầu cơ bản của con người mà những nhu cầu ấy phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế xã hội, phong tục tập quán của từng vùng và những phong tục ấy được xã hội thừa nhận; theo Ngân hàng thế giới [4] nghèo là khái niệm đa chiều vượt khỏi phạm vi túng thiếu về vật chất. Nghèo không chỉ gồm các chỉ số dựa trên thu nhập mà còn các vấn đề liên quan đến năng lực như: dinh dưỡng, sức khỏe, giáo dục, khả năng dễ bị tổn thương, không có quyền phát ngôn và không có quyền lực; Trần Xuân Cần và Mai Quốc Chánh [5] cho rằng nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư chỉ có thể thoả mãn một phần nhu cầu tối thiểu cơ bản của cuộc sống và mức sống thấp hơn mức sống trung bình của cộng đồng [5].

Trong nhiều tài liệu, cụm từ “nghèo khổ” hay “nghèo đói” cũng hay được sử dụng với nghĩa là nghèo. Theo các tác

giả [5], mặc dù “đói” là tình trạng không đủ nhu cầu về lương thực và thực phẩm hay còn gọi là “thiếu đói” hay là tình trạng một bộ phận dân cư có mức sống tối thiểu và thu nhập không đủ đảm bảo nhu cầu vật chất để duy trì cuộc sống; hay là tình trạng một người được cung cấp mức tiêu dùng năng lượng thấp hơn mức tối thiểu.

Các tác giả [5] cũng cho rằng nghèo có thể được xem xét với nghĩa là nghèo tuyệt đối hay tương đối. Nghèo tuyệt đối là tình trạng một bộ phận dân cư không có khả năng thỏa mãn những nhu cầu cơ bản rất tối thiểu để duy trì cuộc sống như ăn, mặc, ở, nước sạch, vệ sinh môi trường và chăm sóc y tế, giáo dục, đi lại. Nghèo tương đối, hay nghèo so sánh là sự nghèo khổ thể hiện sự bất bình đẳng trong quan hệ phân phối của cải xã hội giữa các nhóm xã hội, các tầng lớp dân cư và vùng địa lý.

Trên cơ sở các khái niệm nêu trên, trong khuôn khổ nghiên cứu này có thể hiểu nghèo là một bộ phận người dân có mức sống thiếu hụt về nhu cầu tối thiểu của cuộc sống, khó tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, việc làm, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh.

2.1.2. Giảm nghèo

Thực tế không có nhiều tài liệu thảo luận về khái niệm “giảm nghèo” - có thể là do mục đích của “giảm nghèo” đã rất rõ ràng là giảm tình trạng nghèo trên cơ sở khái niệm và các tiêu chuẩn về nghèo đói. Trong một số tài liệu, giảm nghèo được giải thích là làm giảm tỷ lệ hộ nghèo hay là làm giảm số hộ nghèo trên một địa bàn, là giảm mức độ nghèo của một cộng đồng, làm giảm khoảng cách

nghèo cũng có thể được hiểu là làm tăng thu nhập bằng các biện pháp hỗ trợ hộ gia đình đạt được mức thu nhập bình quân cao hơn chuẩn nghèo. Theo Bộ Lao động - Thương binh và xã hội các chương trình giảm nghèo được hiểu là tập hợp các chính sách, biện pháp và dự án nhằm thúc đẩy khả năng tiếp cận của người nghèo đến dịch vụ xã hội, như vậy giảm nghèo lại có nghĩa là tăng khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội hay giảm nghèo được hiểu là kết quả từ những nỗ lực của nhà nước, cộng đồng và người dân đạt được mức sống vượt trên mức sống tối thiểu [6].

Thái Phúc Thịnh [7] cho rằng trên cơ sở khái niệm nghèo, ở cấp độ cộng đồng, giảm nghèo này được hiểu là giảm số lượng hay tỷ lệ người hay hộ không thỏa mãn những nhu cầu cơ bản. Ở cấp hộ gia đình, giảm nghèo được hiểu là nâng cao mức độ thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của hộ gia đình; hay còn gọi là thu hẹp khoảng cách nghèo.

2.1.3. Giảm nghèo bền vững

Theo Lê Thị Thanh Bình [8] giảm nghèo bền vững là quá trình giảm nghèo giúp cho bộ phận dân cư nghèo thoát khỏi các tình trạng nghèo không có sự tái nghèo trở lại và hạn chế thấp nhất tỷ lệ phát sinh thêm các tình trạng nghèo mới. Tỷ lệ giảm nghèo bình đẳng giữa các vùng, khu vực, các nhóm, hộ gia đình và được xác định bằng các chỉ báo quy chuẩn về kinh tế và xã hội.

2.2. Các tiêu chí đánh giá giảm nghèo bền vững

Để đo lường giảm nghèo bền vững, theo Lê Thị Thanh Bình [8] sử dụng một số tiêu chí sau:

- * Về khía cạnh kinh tế
 - Nguồn lực tài chính:
 - + Thu nhập: Thu nhập thực tế của người nghèo vượt qua các mức chuẩn nghèo và chuẩn cận nghèo theo từng giai đoạn áp dụng.
 - + Chi tiêu: Chi tiêu thực tế của người nghèo cho những nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống hàng tháng đảm bảo ở ngưỡng cần thiết.
 - + Tiếp cận vốn tín dụng: tiếp cận được các nguồn vốn vay từ ngân hàng chính sách xã hội, đoàn, hội, các tổ chức tài chính, người thân, người dân,...
 - + Tiết kiệm và hoạt động tín dụng: tiết kiệm được tiền theo tháng, hoặc năm.
 - + Thị trường và tiếp cận thị trường: tiếp cận các kiến thức căn bản về thị trường, phân khúc của thị trường, các tình trạng biến động của thị trường để gia tăng khả năng tham gia và ứng phó.
 - + Phương thức/mô hình chuyển đổi và phát triển kinh tế lâu dài giúp ổn định sinh kế: tư vấn các phương thức/các mô hình phát triển kinh tế đem lại những hiệu quả cụ thể, phù hợp với năng lực người nghèo, với tình hình phát triển của địa phương, có khả năng tiếp tục phát triển, tham gia sâu và ổn định vào các thị trường phù hợp.
 - Nguồn lực vật chất:
 - + Nhà ở: không còn nhà ở tạm bợ/thiếu kiên cố; Chất liệu nhà ở xây dựng bằng vật liệu có chất lượng/không đảm bảo chất lượng; Diện tích nhà ở bình quân đầu người theo chuẩn hiện hành quy định.
 - + Nguồn nước sinh hoạt: Tiếp cận được hệ thống nước sạch.
 - + Điện: Tiếp cận được hệ thống lưới điện và giá theo quy định.
 - + Tài sản: Tài sản lâu bền phục vụ sinh hoạt và tiếp cận thông tin; Sử dụng các dịch vụ viễn thông.
 - + Nhà vệ sinh: Nhà vệ sinh hợp vệ sinh.
 - * Về khía cạnh xã hội
 - Nguồn vốn con người:
 - + Giáo dục: Người lớn chưa tốt nghiệp trung học cơ sở và không đi học; Trẻ em 5-14 tuổi không đến trường.
 - + Y tế: Người nghèo, cận nghèo có bảo hiểm y tế; Khám chữa bệnh các cơ sở y tế công/tư đảm bảo yêu cầu về chất lượng.
 - + Quy mô nhân khẩu: quy mô hộ đông nhân khẩu thấp.
 - + Lao động, việc làm: Lao động trong độ tuổi lao động có việc làm và thu nhập ổn định và không có việc làm.
 - + Đào tạo nghề: Tham gia vào các khóa đào tạo nghề phù hợp; Có việc làm và thu nhập ổn định sau khi học nghề.
 - + Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, dịch vụ viễn thông: Sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin, dịch vụ viễn thông, tiếp cận và sử dụng thông tin hữu ích, hợp pháp.
 - + Công nghệ mới: Hỗ trợ tiếp cận với các lĩnh vực công nghệ mới phục vụ đời sống, hoạt động sản xuất kinh doanh, buôn bán.
 - Nguồn vốn xã hội:
 - + Tiếp cận thông tin: Thông tin về phát triển kinh tế - xã hội, chương trình

giảm nghèo bền vững; Tham gia các cuộc họp tại khu dân cư, đoàn, hội, chính quyền địa phương về các kế hoạch, tình hình phát triển kinh tế - xã hội chung và riêng cho giảm nghèo; Tham gia trực tiếp vào các mô hình, dự án thử nghiệm mang tính cộng đồng về phát triển kinh tế - xã hội cho giảm nghèo...

+ Các hỗ trợ của đoàn, hội, tổ chức xã hội...: Người nghèo được các tổ chức này hỗ trợ, bảo vệ cuộc sống trên nhiều phương diện

+ Hoạt động đoàn, hội, cộng đồng: Tham gia các hoạt động thể thao, văn hóa, lễ hội.

+ Pháp luật, dịch bệnh, tội phạm: Tư vấn, tiếp cận các thông tin về pháp luật; Tiếp cận các thông tin về dịch bệnh, tội phạm, an ninh cuộc sống.

2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến giảm nghèo bền vững

- Điều kiện tự nhiên.
- Kinh tế.
- Xã hội.
- Đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.
- Bản thân người nghèo.

3. Thực trạng công tác giảm nghèo bền vững tại huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau giai đoạn 2016 - 2020

Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân huyện Phú Tân trong những năm gần đây không ngừng được cải thiện và nâng cao. Năng lực tổ chức, ý thức thực hiện xóa đói giảm nghèo được nâng lên cả trong cán bộ, đảng viên và cộng đồng dân cư. Hầu hết các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số được tiếp cận

và thụ hưởng các chính sách giảm nghèo của Nhà nước, các dịch vụ sản xuất và dịch vụ xã hội cơ bản. Các chính sách giảm nghèo có tính đặc thù được triển khai đã tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Thực hiện Nghị quyết 02/NQ-HU của Huyện ủy Phú Tân và Kết luận số 02-KL/HU tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/HU của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa (XI) hàng năm Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, Đảng ủy các xã, thị trấn ban hành quyết định phân công các chi bộ và đảng viên giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên hàng năm mỗi hội đăng ký nhận giúp đỡ ở mỗi ấp từ 1 đến 2 hộ nghèo, hộ cận nghèo. Bên cạnh đó, hàng năm Huyện ủy cũng phân công 1 số chi bộ trực thuộc Huyện ủy nhận giúp đỡ hộ nghèo ở 1 số ấp có tỷ lệ hộ nghèo cao và mỗi xã đều có đoàn công tác chỉ đạo xã là trưởng, phó các phòng, ban tham gia đoàn công tác chỉ đạo xã phụ trách từng ấp cũng hỗ trợ cho ấp về thực hiện công tác giảm nghèo. Các chi bộ, các ngành đoàn thể xây dựng kế hoạch cụ thể, phân công cán bộ, đảng viên phụ trách từng hộ nghèo, hộ cận nghèo để tư vấn, giúp đỡ về mọi mặt, đến từng hộ để khảo sát, tìm hiểu kỹ về gia cảnh, động viên, thuyết phục họ nỗ lực phấn đấu vươn lên và giúp đỡ bằng nhiều hình thức như hỗ trợ vật chất, hướng dẫn cách thức làm ăn, vận động người trong độ tuổi lao động có điều kiện đi lao động ở các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh...tham

gia các lớp dạy nghề, tập huấn do xã phối hợp với các ngành huyện, tỉnh tổ chức.

Giải pháp giảm nghèo được thực hiện thông qua công tác thống kê, rà soát, đánh giá phân loại hộ nghèo để có giải pháp phù hợp theo hoàn cảnh từng hộ nghèo. Bên cạnh đó, huyện Phú Tân đã chú trọng và đẩy mạnh xã hội hóa công tác giảm nghèo và bảo trợ xã hội, thu hút sự tham gia của cộng đồng xã hội, nhằm tổ chức thực hiện toàn diện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã làm tốt công tác vận động các nguồn lực xã hội cho công tác giảm nghèo, phân công đoàn viên, hội viên giúp nhau phát triển kinh tế; những sáng kiến, kinh nghiệm giảm nghèo hay được chia sẻ và lan tỏa, từ đó hình thành được nhiều mô hình tốt, hiệu quả. Khuyến khích hình thức tham gia thực hiện an sinh xã hội tự nguyện thông qua vận động Quỹ “Vì người nghèo”

được gắn kết chặt chẽ với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, phong trào “Cà Mau chung sức xây dựng nông thôn mới”, phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” cùng với các phong trào thi đua yêu nước ở các địa phương đã lan rộng, tác động tích cực đến đời sống vật chất, tinh thần của các tầng lớp nhân dân, đã góp phần đạt những kết quả đáng kể trên hầu hết các lĩnh vực, tạo mối quan hệ gắn bó, đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau trong cộng đồng dân cư, góp phần nâng cao mức thụ hưởng trong nhân dân. Từ năm 2016 - 2020 Quỹ “Vì người nghèo” các cấp trong huyện vận động được hơn 50 tỷ. Qua đó, hỗ trợ xây dựng mới 231 căn nhà, sửa chữa 23 căn nhà cho người nghèo; 19.560 xuất quà; 300 tấn gạo; khám, chữa bệnh miễn phí cho 8.740 lượt người; hỗ trợ hơn 12.000 lượt học sinh nghèo và hiện vật khác [9].

Bảng 1: Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo của huyện Phú Tân giai đoạn 2016 - 2020

Nội dung	Số lượng				
	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng số hộ nghèo	1.666	1.190	755	492	353
Tỷ lệ hộ nghèo đã trừ hộ bảo trợ xã hội (%)	5,82	4,06	2,34	1,80	1,26
Tổng số hộ cận nghèo	1.065	948	746	596	516
Tỷ lệ hộ cận nghèo đã trừ hộ bảo trợ xã hội (%)	4,06	3,53	2,66	2,34	1,99

Nguồn: Báo cáo của UBND huyện Phú Tân, 2020)

Theo số liệu trên Bảng 1, cho thấy tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo đã trừ hộ bảo trợ xã hội so với tổng số dân trên địa bàn huyện năm 2016 tỷ lệ hộ nghèo của huyện là 5,82%, hộ cận nghèo là 4,06%, năm 2017 tỷ lệ hộ nghèo là 2,34%, hộ

cận nghèo 3,53%, năm 2018 tỷ lệ hộ nghèo 2,34%, hộ cận nghèo 2,66%; năm 2019 tỷ lệ hộ nghèo 1,80%, cận nghèo 2,34%; năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo 1,26%, cận nghèo 1,99%.

Tuy nhiên, tốc độ giảm nghèo nhanh có nguy cơ tái nghèo cao, phần lớn hộ nghèo có mức thu nhập chỉ nhỉnh hơn chuẩn nghèo, chỉ cần biến động về kinh tế, hoàn cảnh, rủi ro... thì họ không đủ sức vượt qua lại rơi vào người nghèo.

Nhận thức trong nhân dân, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số có chuyển biến mạnh mẽ đã chuyển đổi hành vi để tự vươn lên thoát nghèo và phấn đấu làm giàu. Bên cạnh đó, vẫn còn một bộ phận người nghèo chưa có ý thức tự vươn lên, còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước và cộng đồng, còn có tâm lý nằm trong diện hộ nghèo để hưởng lợi.

Bảng 2. Nhân khẩu bình quân của các hộ gia đình hộ nghèo huyện Phú Tân năm 2016 – 2020

Năm	Hộ nghèo (hộ)	Nhân khẩu (người)	Bình quân nhân khẩu/hộ nghèo (người/hộ)
2016	1.666	7.124	4,27
2017	1.190	5.153	4,33
2018	755	3.120	4,13
2019	492	1.954	3,97
2020	353	1.387	3,92

Nguồn: Báo cáo của UBND huyện Phú Tân, 2020

Theo số liệu trên Bảng 2, cho thấy tổng số hộ nghèo trong huyện Phú Tân năm 2016 là 1.666 hộ, 7.124 khẩu, trung bình mỗi hộ nghèo 4,27 người/hộ; năm 2017 trung bình mỗi hộ nghèo là 4,33 người/hộ, năm 2018 trung bình mỗi hộ nghèo 4,13 người/hộ, năm 2019 trung bình mỗi hộ nghèo 3,97 người/hộ, năm 2020 trung bình mỗi hộ nghèo 3,92 người/hộ.

Bảng 3. Mức thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản năm 2020

Các tiêu chí thiếu hụt	Năm 2020	
	Số hộ thiếu hụt	Tỷ lệ (%) trong tổng số hộ nghèo
Tiếp cận dịch vụ y tế	28	7,93
Bảo hiểm y tế	217	61,43
Trình độ giáo dục người lớn	99	28,05
Tình trạng đi học của trẻ em	51	14,45
Chất lượng nhà ở	215	60,91
Diện tích nhà ở	64	18,13
Nước sạch	19	5,53
Hồ xí/nhà tiêu hợp vệ sinh	151	42,78
Sử dụng dịch vụ viễn thông	25	7,08
Tài sản dịch vụ tiếp cận thông tin	80	22,66

Nguồn: Báo cáo của UBND huyện Phú Tân, 2020

Qua số liệu trên Bảng 3, cho thấy năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ cơ bản tương đối cao như mức thiếu hụt bảo hiểm y tế có 217 hộ chiếm 61,43%, mức thiếu hụt về chất lượng nhà ở 215 hộ chiếm 60,91%, mức thiếu hụt về hồ xí/nhà tiêu hợp vệ sinh 151 hộ chiếm 42,78.

Thực hiện Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020; Đề án của Ủy ban nhân

dân tỉnh Cà Mau về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, từ năm 2016 - 2020 các ngành chức năng, các tổ chức đoàn thể, Ủy ban nhân dân các xã và Thị trấn Cái Đồi Vàm đã tuyên truyền vận động trong nhân dân, hộ nghèo, cận nghèo, con thương binh, liệt sĩ, hộ chính sách tham gia các lớp học nghề: may dân dụng, sửa xe, thẩm mỹ, điện dân dụng, nuôi tôm quảng canh cải tiến... kết quả tổ chức được 416 lớp dạy nghề, truyền nghề với 13.823 học viên, trong đó có 2.080 học viên là hộ nghèo, cận nghèo; giải quyết việc làm cho 27.731 lao động [9].

Thực hiện Đề án “Đưa người lao động tỉnh Cà Mau đi làm việc ở nước

ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2018 - 2020”, huyện Phú Tân có 186 lao động tham gia xuất khẩu lao động [10]. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện đề án vẫn còn có khó khăn về thủ tục vay vốn, trình độ chuyên môn kỹ thuật, kiến thức ngoại ngữ, sức khỏe và ý thức tổ chức kỷ luật của người có nhu cầu tham gia thị trường lao động nước ngoài còn nhiều hạn chế; người lao động có tâm lý ngại đi xa, sợ không an toàn khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng vượt quá khả năng chi trả của người nghèo, người có thu nhập thấp. Vì thế có rất ít người nghèo đi xuất khẩu lao động để có việc làm thu nhập cao thoát nghèo bền vững.

Bảng 4. Lao động và tỷ lệ lao động của hộ nghèo huyện Phú Tân năm 2016 - 2020

Năm	Tổng số lao động		Lao động trong độ tuổi		Lao động ngoài độ tuổi	
	Số lao động	Tỷ lệ % so với nhân khẩu nghèo	Số lao động	Tỷ lệ % so với nhân khẩu nghèo	Số lao động	Tỷ lệ % so với nhân khẩu nghèo
2016	5.124	71,92	3.191	44,79	1.933	27,13
2017	3.491	67,74	2.090	40,55	1.401	27,18
2018	2.210	70,83	1.371	43,94	839	26,89
2019	1.334	68,27	801	40,99	543	34,06
2020	927	66,83	545	39,29	382	27,54

Nguồn: Báo cáo của UBND huyện Phú Tân, 2020)

Từ số liệu trên Bảng 4, ta thấy tỷ lệ lao động của hộ nghèo so với tổng số nhân khẩu nghèo giảm dần theo các năm, năm 2016 là 71,92% đến năm 2020 là 66,83%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi của hộ nghèo so với tổng số nhân khẩu nghèo của năm 2016 là 44,79%, năm 2017 là 40,55%, năm 2018 là 43,94%, năm 2019 là 40,99%, năm 2020 là 39%. Từ đó, một người lao động phải làm

nuôi 2 - 3 người ngoài tuổi lao động và chưa đến tuổi lao động, khả năng thoát nghèo bền vững gặp nhiều khó khăn.

Sở dĩ số lượng người lao động ngoài độ tuổi lao động chiếm tỷ lệ khá cao là do những người trong độ tuổi lao động, thanh niên họ thường đến những tỉnh khác làm ăn như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai. Do đó ở

địa phương chủ yếu còn người già và trẻ em.

Thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, từ năm 2016 - 2020 có 496 hộ nghèo vay vốn với số tiền 11.500 triệu đồng, hộ mới thoát nghèo 3.927 hộ với số tiền 92.186 triệu đồng, hộ cận nghèo 276 hộ vay với số tiền 6.690 triệu đồng [9]. Vốn tín dụng chính sách xã hội đã giúp giải quyết những vấn đề căn bản, thiết yếu của cuộc sống cho người nghèo, nhất là tại khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, vùng xa, mang lại hiệu quả thiết thực về kinh tế xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Các đối tượng thụ hưởng được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm; giúp nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống, vươn lên thoát nghèo.

Tuy nhiên, quá trình triển khai tín dụng chính sách tới người nghèo và các đối tượng chính sách khác chưa thật sự thuận lợi như có quá nhiều chương trình tín dụng cho một đối tượng thụ hưởng gây khó khăn quản lý giữa các chương trình vừa gây trùng lặp; mức cho vay một số chương trình còn thấp; việc lồng ghép chương trình dự án về tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, hướng dẫn các hộ vay về thông tin thị trường, tiêu thụ sản phẩm còn yếu và chưa đồng bộ với hiệu quả đồng vốn, hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác chủ yếu vẫn đang vay vốn đầu tư vào các ngành nghề, cây con truyền thống nên dẫn đến việc sử dụng vốn của một số hộ vay kém hiệu quả hoặc đầu tư vào chăn nuôi, giá

cả không ổn định, thường xuyên bị thiên tai, lũ lụt đe dọa... vì vậy giảm nghèo chưa bền vững, khả năng tái nghèo cao.

4. Giải pháp nâng cao chất lượng giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Phú Tân

4.1. Đầu tư cơ sở hạ tầng

Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện. Trước mắt, cần tập trung xây dựng, nâng cấp hệ thống đường giao thông, đặc biệt là hệ thống đường dẫn đến vùng chuyên canh tập trung; Quy hoạch, nạo vét đường thủy nhằm đáp ứng nhu cầu lưu thông vận tải hàng hóa bằng đường sông. Hệ thống thủy lợi cung cấp nước phục vụ sản xuất, thoát nước, ngăn mặn, cải tạo môi trường vùng nuôi tôm sạch, siêu thâm canh phục vụ phát triển sản xuất và đời sống.

Đầu tư cải tạo và phát triển hoàn thiện mạng lưới điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Mở rộng đường dây trung thế, hạ thế đưa điện vào các vùng chuyên canh và khu chăn nuôi tập trung. Mở rộng mạng lưới và tăng cường năng lực phục vụ của hệ thống thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông trên toàn huyện. Hiện đại hoá mạng bưu chính viễn thông đáp ứng yêu cầu phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế, sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong các hoạt động xã hội, quản lý kinh tế.

4.2. Dạy nghề và hỗ trợ việc làm

Định hướng đào tạo nghề phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nhu cầu lao động trong huyện, trong khu vực; gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Đa dạng hóa các

loại hình đào tạo, kể cả áp dụng các hình thức liên kết đào tạo cung ứng lao động cho thị trường trong và ngoài tỉnh, xuất khẩu lao động với số lượng, chất lượng ngày càng cao; hình thức dạy nghề có thể là ngắn hạn hoặc dài hạn. Thường xuyên tổ chức tư vấn đào tạo nghề để truyền đạt đến người lao động những thông tin về những ngành nghề được tổ chức đào tạo, các chế độ, chính sách hỗ trợ cho đối tượng học nghề để người lao động học được nghề phù hợp.

4.3. Hỗ trợ vốn cho hộ nghèo

Đa dạng nguồn vốn để bảo đảm cho các hộ nghèo có nhu cầu vốn làm ăn được hỗ trợ và ưu đãi đúng mực. Ngoài nguồn vốn từ ngân sách nhà nước nên huy động các nguồn vốn khác từ cá nhân, tập thể, cộng đồng và các tổ chức xã hội nhân đạo trong và ngoài nước. Tiếp tục phát động kêu gọi ý thức tương trợ như góp công, góp của, góp sức, góp kinh nghiệm giúp đỡ lẫn nhau khi khó khăn trong cộng đồng dân cư.

4.4. Tăng cường các biện pháp quản lý kinh tế, xã hội

Xác định cơ cấu sản xuất ngư - nông - lâm nghiệp là ngành kinh tế chủ lực của huyện Phú Tân, trong đó nuôi trồng và khai thác thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn. Tập trung chỉ đạo tái cơ cấu sản xuất, tạo sự đột phá về sản lượng và chất lượng theo hướng nâng cao chuỗi giá trị sản xuất hàng hóa.

Tăng cường công tác khuyến ngư, chuyển giao tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất. Mở rộng diện tích nuôi tôm quản canh cải tiến, phát triển nuôi tôm thâm canh, siêu thâm canh theo quy hoạch. Tổ chức lại nghề khai thác biển

gắn với dịch vụ hậu cần nghề biển, đội tàu khai thác, đánh bắt xa bờ. Tái cơ cấu thực chất ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị, hiệu quả và bền vững; xác định những sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh, hiệu quả kinh tế cao và thị trường tiêu thụ ổn định. Phát triển các ngành nghề có giá trị gia tăng cao và phục vụ tiêu thụ hàng hóa sản xuất của địa phương.

4.5. Phát triển thị trường lao động, xây dựng đồng bộ hệ thống thông tin thị trường lao động

Tập trung đẩy mạnh và tạo bước phát triển bền vững trong lĩnh vực trong lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có chọn lọc thị trường và nhóm ngành nghề phù hợp với lao động nông thôn, lao động nghèo, nâng cao chất lượng và giá trị lao động. Đẩy mạnh hoạt động thông tin tuyên truyền, làm cho mọi người hiểu rõ chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xuất khẩu lao động; cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin về các đơn vị đang tuyển lao động xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Cà Mau để người lao động lựa chọn đơn vị cung ứng phù hợp.

Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục cho các tầng lớp nhân dân đặc biệt là số lao động trong độ tuổi của hộ nghèo tham gia các phiên giao dịch việc làm định kỳ, phát triển thêm sản giao dịch việc làm vệ tinh ở các cụm, khu vực có tập trung đông dân cư.

4.6. Hỗ trợ khoa học, công nghệ

Ứng dụng các công nghệ mới phục vụ phát triển sản xuất ngư - nông - lâm nghiệp. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ cho

sản xuất, nhất là các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng, giá trị cao như: tôm sú, thỏ chân trắng, cá bống mú, chồn hương... áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật để phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ; thúc đẩy và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, gắn hợp tác hoá với công nghiệp hoá nông nghiệp và công nghiệp hoá nông thôn.

4.7 Huy động mọi nguồn lực đầu tư cho giảm nghèo

Giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ rất khó khăn và lâu dài đòi hỏi các nguồn lực vật chất và tinh thần rất to lớn. Nguồn vốn của nhà nước đầu tư cho mục tiêu giảm nghèo là rất quan trọng, song không thể thụ động trông chờ vào đó vì ngân sách nhà nước có hạn. Ngoài nguồn vốn của trung ương, của tỉnh cho Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, hàng năm các cấp chủ động có kế hoạch bố trí ngân sách và huy động các nguồn lực khác để tập trung đầu tư cho mục tiêu giảm nghèo, giảm nghèo bền vững. Chú trọng tổ chức thực hiện tốt các phong trào vận động quần chúng nhân dân giúp đỡ nhau trong phát triển kinh tế gia đình. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, vận động nhân dân áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

5. Kết luận

Tài liệu tham khảo

- [1] Chi cục Thống kê Phú Tân, Niên giám thống kê năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020.
- [2] Sen, A., 1987. *Poverty: an ordinal approach to measurement.*

Hiện nay, vấn đề giảm nghèo được nhìn nhận theo nghĩa rộng, không chỉ giảm nghèo với ý nghĩa tăng thu nhập mà giảm nghèo phải bền vững được nhìn nhận dưới góc độ cải thiện các nguồn lực đầu vào cho người nghèo như trình độ giáo dục, điều kiện y tế, chăm sóc sức khỏe, các nguồn tín dụng hỗ trợ cho sản xuất... Giảm nghèo bền vững là vấn đề phức tạp và phải có chiến lược thực hiện lâu dài. Trong thời gian qua, việc tổ chức triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo trên địa bàn huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đã có được những kết quả nhất định, đời sống người dân thay đổi rõ rệt; điều này cho thấy sự nỗ lực và quyết tâm rất lớn của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Phú Tân trong việc thực hiện các chính sách giảm nghèo. Tuy nhiên công cuộc giảm nghèo trong những năm tiếp theo bên cạnh những thuận lợi sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức; tốc độ giảm nghèo của huyện nhanh, nguy cơ tái nghèo cao, giảm nghèo chưa thật sự bền vững. Vì vậy, công tác giảm nghèo bền vững luôn được coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và lâu dài. Trên cơ sở đó đề xuất một số phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảm nghèo bền vững phù hợp với đặc điểm tình hình thực tế ở huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau trong thời gian tới.

- Econometrica: Journal of the Econometric Society, 219-231.
- [3] Báo cáo tại hội nghị về nghèo khổ ESCAP, 1993.

- [4] Ngân hàng thế giới, 2004. *Báo cáo phát triển thế giới 2004, cải thiện các dịch vụ nghèo*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
- [5] Trần Xuân Cần và Mai Quốc Chánh, 2008. *Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.
- [6] Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, 2016. *Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác giảm nghèo*. Tài liệu tập huấn.
- [7] Thái Phúc Thịnh, 2012. *Giảm nghèo bền vững trong phát triển nông thôn ở Việt Nam*. Công nghiệp hóa nông thôn Hàn Quốc: *Bài học cho phát triển nông thôn Việt Nam*. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế. Nhà xuất bản Kinh tế Quốc dân. Hà Nội.
- [8] Lê Thị Thanh Bình, 2020. *Giải pháp giảm nghèo bền vững ở Hà Nội*. Luận án tiến sỹ. Học viện khoa học xã hội.
- [9] Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, 2020. *Báo cáo tổng kết thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 và đề xuất cho giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Phú Tân*.
- [10] Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân tỉnh Cà Mau, 2020. *Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về chương trình việc làm huyện Phú Tân giai đoạn 2019 - 2020*.
- [11] Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, 2020. *Báo cáo tổng kết thực hiện công tác giảm nghèo đến năm 2020*.
- [12] Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân tỉnh Cà Mau. *Bảng tổng hợp số liệu hộ nghèo huyện Phú Tân giai đoạn 2016 - 2020*.
- [13] Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân tỉnh Cà Mau, 2020. *Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020*.
- [14] Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, 2020. *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 – 2025*.

Ngày nhận bài: 12/5/2022

Ngày hoàn thành sửa bài: 05/7/2022

Ngày chấp nhận đăng: 10/7/2022